

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/DSPT

Ngày: 27-9-2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới
Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLPT - DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST ngày 28, 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2018/QĐXX -PT ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1984.

Cư trú: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn H là anh Lê Tấn P, sinh năm 1976. Cư trú: Ấp TA, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 22/06/2018 (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Phú V, sinh năm 1985.

Cư trú: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Phú V là ông Trần Văn B, sinh năm 1960. Cư trú: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2017 (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn B, sinh năm 1960.

Bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1960.

Cư trú: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn B và anh Trần Phú V là luật sư Lưu Thanh P- Luật sư văn phòng luật sư N thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975.

Cư trú: Ấp H2, xã M huyện M, tỉnh Vĩnh Long

Bà Huỳnh Thị Sa P, sinh năm 1983.

Cư trú: Ấp T, xã M, huyện M tỉnh Vĩnh Long

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Bùi Văn H, bị đơn anh Trần Phú V

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2017 anh Lê Tấn P đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn H trình bày: Ngày 18/4/2017 anh H có thỏa thuận mua của anh Trần Phú V 01 chiếc ghe đã qua sử dụng bằng gỗ, tải trọng 23,5 tấn biển số VL-13156 với giá 75.000.000đ, có lập hợp đồng mua bán tay không qua công chứng chứng thực, lập tại trại ghe của anh H1, có anh H1 chứng kiến. Cùng ngày anh H có đặt cọc cho anh V 10.000.000đ tại trại ghe của anh Nguyễn Văn H1. Sau khi đặt cọc và lập hợp đồng mua bán anh H còn nợ lại anh V 65.000.000đ.

Sau khi ký hợp đồng, anh H có hỏi anh V cho anh H được sửa chữa chiếc ghe và được anh V đồng ý. Đến ngày 19/4/2017 anh H và anh H1 làm hợp đồng lên đà sửa chữa ghe thời hạn 01 tháng, tính đến ngày 19/5/2017 với tổng chi phí 37.265.000đ. Trong thời gian sửa chữa chiếc ghe anh H có bỏ tiền 4.000.000đ mua một số vật liệu bổ sung để hoàn thiện chiếc ghe. Ngày 19/5/2017 chiếc ghe sửa chữa xong anh H liên hệ với anh V trả số tiền còn lại của hợp đồng mua bán là 65.000.000đ để nhận ghe, nhưng anh V rằng ngày 16/9/2016 thuê anh H1 sửa chữa chiếc ghe mà anh đã bán cho anh H còn nợ tiền sửa ghe là 31.315.000đ nên anh V yêu cầu anh H phải thanh toán tiền sửa ghe cho anh H1 31.315.000đ. Như vậy anh H phải thanh toán tiền hợp đồng mua bán ghe và tiền sửa chữa ghe tổng số tiền là 96.315.000đ anh H không thống nhất và phát sinh tranh chấp.

Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau” Yêu cầu vô hiệu “Giấy mua bán phương tiện thủy và máy” ký ngày 18/4/2017 giữa anh Bùi Văn H và anh Trần Phú V, vì chiếc ghe biển số VL-13156 không do anh Trần Phú V đứng tên chủ phương tiện thủy nội địa mà do ông Trần Văn B đứng tên. Yêu cầu anh Trần Phú V trả lại tiền đặt cọc 10.000.000đ, tiền thuê anh H1 sửa chữa chiếc ghe 37.256.000đ và tiền anh tự bỏ ra mua vật liệu bổ sung 4.000.000đ. Nhưng anh H rút yêu cầu đối với anh V phải trả 4.000.000đ cho anh tự bỏ ra mua vật liệu sửa chữa ghe.

Bị đơn Trần Phú V có ông Trần Văn B làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Anh V và anh H thỏa thuận lập hợp đồng mua bán ngày 18/4/2017 về giá và đặt cọc 10.000.000đ là đúng. Tuy nhiên khi lập hợp đồng anh H đã ký tên và đồng ý trả thêm số tiền anh V thuê anh H1 sửa chữa ghe ngày 16/9/2016 còn nợ anh H1 31.315.000đ. Anh V và anh H lập hợp đồng mua bán ông B biết và đồng ý vì ghe này ông đã giao cho anh V sử dụng chưa làm giấy tặng cho hoặc ủy quyền cho anh V bán cho anh H.

Ngày 19/4/2017 anh H tự ý ký hợp đồng sửa chữa ghe với anh H1 không thông qua ý kiến của ông và anh V, việc sửa chữa giữa anh H và anh H1, ông và anh V không hay biết, do đó ông không đồng ý trả số tiền sửa chữa ghe mà anh H đã ký hợp đồng với anh H1.

Đối với yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán của anh H nếu Tòa chấp nhận thì ông B và anh V không đồng ý trả lại số tiền 10.000.000đ cho anh H. Nếu trường hợp Tòa án buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng thì ông B và anh V yêu cầu anh H trả số tiền như hợp đồng mua bán đã ký.

Đối với tiền lưu bến bãi tính từ ngày 19/4/2017 đến nay mỗi ngày 150.000đ/ngày ông B và anh V không đồng ý trả cho anh H1.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 19/7/2017 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn và bị đơn về thời điểm ký hợp đồng sửa chữa ghe và số tiền chưa thanh toán cho anh H1 là đúng. Nay anh H1 yêu cầu anh H phải trả 37.265.000đ và anh V trả 31.315.000đ.

Đối với tiền lên đà lưu bến bãi mỗi ngày 150.000đ tính từ ngày 19/5/2017 đến khi chiếc ghe rời khỏi đà. Trường hợp Tòa án công nhận chiếc ghe đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu cho anh H thì anh H có trách nhiệm trả tiền lên đà cho anh H1. Ngược lại công nhận chiếc ghe cho anh V thì anh V có trách nhiệm trả tiền lên đà cho anh H1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Sa P trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra không còn ý kiến gì khác và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Trần Văn B trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 28, 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 122, khoản 2 Điều 131, 430, 431, 542, khoản 2 Điều 550, Điều 552 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H

1/ Vô hiệu hợp đồng mua bán phương tiện thủy và máy giữa anh Bùi Văn H và anh Trần Phú V được lập ngày 18/4/2017. Buộc anh Trần Phú V trả cho anh Bùi Văn H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

2/ Bác yêu cầu của anh Bùi Văn H buộc bị đơn anh Trần Phú V trả số tiền 37.256.000đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng)

3/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1

Buộc anh Trần Phú V trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 31.315.000đ (Ba mươi một triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng) tiền sửa chữa chiếc ghe.

Buộc anh Bùi Văn H trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 37.256.000đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng) tiền sửa chữa chiếc ghe.

Buộc anh Bùi Văn H trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền lên đà lưu bến bãi 30.600.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng).

Buộc anh Trần Phú V trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền lên đà 30.600.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng)

Buộc anh Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm giao trả chiếc ghe biển số VL – 13156 cho anh Trần Phú V và ông Trần Văn B sở hữu, sử dụng.

4/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc anh Trần Phú V trả 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền anh Bùi Văn H mua vật liệu sửa chữa chiếc ghe.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thoả thuận

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 12/6/2018 anh Bùi Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm buộc anh Trần Phú V phải trả cho anh số tiền là 37.265.000 đồng thuê anh H1 sửa chữa ghe và anh Trần Phú V có nghĩa vụ trả lại cho anh H1 toàn bộ số tiền lên đà lưu bến bãi tính từ ngày 19/4/2017 (nhằm ngày 23/3/2017) đến ngày 31/5/2018 nhằm ngày 17/4/2018 al) với số tiền 61.200.000 đồng.

Ngày 15/6/2018 anh Trần Phú V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Bùi Văn H phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn H1 toàn bộ số tiền lên đà lưu bến bãi là 61.200.000 đồng.

Ngày 15/6/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M kháng nghị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long sửa bản án sơ thẩm vì theo yêu cầu độc lập của anh H1 chỉ yêu cầu Tòa án tuyên ai là của sở hữu chiếc ghe thì trả tiền lưu bến bãi từ ngày 19/5/2017 cho đến khi chiếc ghe rời khỏi đà nhưng Tòa án tính từ ngày 19/4/2017 đến ngày 31/5/2018 là 408 ngày dư 31 ngày, bằng số tiền 4.650.000 đồng là gây thiệt hại cho anh H và anh V.

Về đánh giá chứng cứ không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Phân nhận định của Tòa án cho rằng mặc dù không được phép của anh V và ông B là chủ sở hữu nhưng anh H tự ký hợp đồng sửa chữa ghe nên anh H có trách nhiệm trả cho anh H1 số tiền 37.265.000 đồng là chưa có căn cứ. Bởi vì, anh H tu bổ vào chiếc ghe thì giá trị của chiếc ghe không bị mất đi mà được nâng lên, bản thân anh H không được hưởng lợi gì, mà người được hưởng lợi là ông Trần Văn B và anh Trần Phú V cho nên anh V phải chịu trách nhiệm đối với số tiền sửa chữa ghe.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ nguyên kháng nghị.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn B và anh Trần Phú V trình bày:

Ông B tự nguyện trả lại cho anh H 10.000.000 đồng tiền đặt cọc ghe. Hợp đồng sửa chữa ghe giữa anh H và anh H1, anh V không phải là một bên trong hợp đồng sửa chữa nên việc Tòa án sơ thẩm xét xử yêu cầu ông V trả 1/2 tiền lưu bãi là không có căn cứ. Anh H kháng cáo yêu cầu anh V trả tiền lưu đà là không có cơ sở. Phía sau hợp đồng mua bán ghe anh H phải là người chịu tiền tiền sửa chữa ghe 31.315.000 đồng và trả số tiền còn lại của hợp đồng mua bán

ghe là 65.000.000 đồng nhưng bên anh H không thực hiện dẫn tới ghe phải lưu bến. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh V, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H. Buộc anh Bùi Văn H là người chịu tiền lưu đà. Sửa án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Phú V. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Bùi Văn H. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M. Sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, Ý kiến kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm xét xử ngày 28, 31/5/2018 đến ngày 12/6/2018 anh Bùi Văn H có đơn kháng cáo trong hạn luật định hợp lệ, ngày 15/6/2018 anh Trần Phú V có đơn kháng cáo trong hạn luật định hợp lệ. Anh Bùi Văn H, anh Trần Phú V có đóng tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn B đại diện cho anh Trần Phú V và ông cũng thừa nhận chiếc ghe biển số VL-13156 là quyền sở hữu của ông Trần Văn B, nên ngày 18/4/2017 anh Bùi Văn H và anh Trần Phú V có thỏa thuận lập hợp đồng mua bán ghe biển số VL-13156 ông B không ký tên vào hợp đồng, anh H yêu cầu vô hiệu hợp đồng thì ông cũng thống nhất và chấp nhận trả cho anh H số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử vô hiệu hợp đồng mua bán phương tiện thủy và máy, buộc ông Trần Phú V trả cho

ông H 10.000.000 đồng tiền đặt cọc là đúng quy định Điều 122, khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Đối với số tiền 37.265.000đ anh H thuê anh H1 sửa chữa ghe ông B cho rằng anh V không biết nên không chấp nhận trả số tiền này là không phù hợp. Bởi vì trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm thì anh H1 trình bày chiếc ghe mà anh V bán cho anh H trước đây anh V sửa chữa chưa xong. Khi hai bên ký hợp đồng mua bán ghe tại trại ghe anh H1 và có sự chứng kiến của anh, sau khi ký hợp đồng thì anh H giao tiền cọc anh V lúc đó chiếc ghe còn lưu đà tại trại ghe của anh H1, anh H có hỏi anh V tiếp tục sửa ghe anh V thống nhất, nên anh H mới ký hợp đồng sửa ghe với anh H1. Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2017 (BL114) thì anh V trình bày anh H có hỏi ý kiến anh xin sửa chữa bổ sung thêm chiếc ghe, thì anh V thống nhất và anh V còn nói với anh H chiếc ghe đã bán cho anh rồi, thì anh được quyền sửa chữa. Từ đó có căn cứ xác định anh H sửa chữa chiếc ghe có sự thống nhất của anh V, việc tu bổ vào chiếc ghe thì giá trị của chiếc ghe được nâng lên, anh V là người được hưởng lợi. Do đó, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M kháng nghị, anh H kháng cáo yêu cầu anh V phải có trách nhiệm trả tiền sửa chữa ghe là 37.265.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về số tiền lưu đà và thời gian lưu đà. Anh H kháng cáo yêu cầu anh V phải chịu trách nhiệm toàn bộ trả số tiền lưu đà cho anh H1. Anh V kháng cáo yêu cầu anh H phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ trả số tiền lưu đà cho anh H1 là chưa phù hợp. Bởi vì, anh H sửa chữa ghe cũng có sự thống nhất của anh V nhưng do hợp đồng mua bán ghe vô hiệu dẫn đến phát sinh thời gian lưu đà cho nên Tòa cấp sơ thẩm buộc anh H và anh V mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ tiền lên đà lưu bến bãi là phù hợp. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tính thời gian lên đà lưu bến bãi là 408 ngày là dư 31 ngày, vì từ ngày 19/5/2017 đến 31/5/2018 là 377 ngày. Cho nên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M kháng nghị đối với thời gian lên đà lưu bến bãi là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy $377 \text{ ngày} \times 150.000 \text{ đồng/ngày} = 56.550.000 \text{ đồng}$; $2 = 28.275.000 \text{ đồng}$, thì anh H có trách nhiệm trả cho anh H1 số tiền là 28.275.000 đồng, anh V có trách nhiệm trả cho anh H1 số tiền là 28.275.000đồng

[5] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn H. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Phú V và lời trình bày của vị luật sư.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 28, 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Bùi Văn H, anh Trần Phú V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 122, khoản 2 Điều 131, Điều 430, Điều 431, khoản 2 Điều 468; Điều 542, khoản 2 Điều 550, Điều 552 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn H.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Phú V.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST ngày 28, 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H.

1/ Vô hiệu hợp đồng mua bán phương tiện thủy và máy lập ngày 18/4/2017 giữa anh Bùi Văn H và anh Trần Phú V.

Buộc anh Trần Phú V trả cho anh Bùi Văn H 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tiền đặt cọc.

Buộc anh Trần Phú V trả cho anh Bùi Văn H 37.256.000đ (*Ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) tiền sửa chữa ghe.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn H1

Buộc anh Trần Phú Viễn trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 31.315.000đ (*Ba mươi một triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền sửa chữa chiếc ghe.

Buộc anh Bùi Văn H trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 37.256.000đ (*Ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) tiền sửa chữa ghe.

Buộc anh Bùi Văn H trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền lên đà lưu bến bãi 28.275.000 đồng (*hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)

Buộc anh Trần Phú V trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền lên đà lưu bên bãi 28.275.000 đồng đồng (*hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)

Buộc anh Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm giao trả chiếc ghe biển số VL – 13156 cho anh Trần Phú V và ông Trần Văn B sở hữu, sử dụng.

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc anh Trần Phú V trả 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) cho anh Bùi Văn H tiền mua vật liệu sửa chữa chiếc ghe.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Anh Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.413.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.281.500 đồng theo biên lai thu số 0005644 ngày 26/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Anh H phải nộp thêm số tiền 132.000đồng (*một trăm ba mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Phú V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.342.000đồng (*Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Văn H1 không phải chịu số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh H1 số tiền 1.939.000đ (*Một triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005733 ngày 20/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Án phí phúc thẩm:

Anh Bùi Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho anh H số tiền là 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006525 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Anh Bùi Văn H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Trần Phú V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho anh H số tiền là 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006526 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Anh Trần Phú V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện MT;
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện MT;
- Các đương sự; (theo địa chỉ)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngừng

